

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-03-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp con  
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đức Thọ

Bà Nông Thanh Thủy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bé Thị Đ, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 24, phân trại 02, trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Bé Thị Đ trình bày:

Ngày 18/8/2009 chị Bé Thị Đ kết hôn cùng anh Nông Văn T trên cơ sở tự nguyện, thủ tục đăng ký kết hôn được tiến hành tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định của pháp luật, nhưng thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm và lối sống bất đồng, cả hai tìm nhiều giải pháp tháo gỡ và hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng tình cảm, mẫu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng theo năm tháng, nên từ năm 2013 đã chính thức ly thân cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bé Thị Đ viết đơn xin được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nông Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 09 năm 2009 và Nông Quốc An, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, khi ly hôn chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Đ không cấp dưỡng tiền nuôi các con chung và có quyền thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung: Chị Bé Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không viết được bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai anh Nông Văn T nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Bé Thị Đ và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Bé Thị Đ là người nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và anh không phải cấp dưỡng nuôi các con chung, anh T có quyền thăm nom các con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, các khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án được mà Thông báo kết quả kiểm tra công khai và tiếp cận chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Bé Thị Đ và anh Nông Văn T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Bé Thị Đ là có căn cứ; về con chung: Chị Bé Thị Đ được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là cháu Nông Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2009 và cháu Nông Quốc An, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Bé Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Bé Thị Đ và anh Nông Văn T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L. Hiện anh Nông Văn T là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên. Do đó, chị Bé Thị Đ có quyền yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Theo như lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Bé Thị Đ và anh Nông Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Bé Thị Đ và anh Nông Văn T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu xin ly hôn anh Nông Văn T của chị Bé Thị Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng tại các đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nông Thị Trà M và cháu Nông Quốc An đều có nguyện vọng ở với mẹ, tại biên bản ghi lời khai anh Nông Văn T cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Thu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung, đồng thời hiện tại anh T đang phải chấp hành án tại Đội 24, phân trại số 2, Trại giam Ngọc Lý là không đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung. Do vậy, yêu cầu giao cả hai con chung cho anh Nông Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc của chị Đ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bé Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bé Thị Đ được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Chị Bé Thị Đ được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là cháu Nông Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 09 năm 2009 và cháu Nông Quốc An, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012 đến khi trưởng thành và anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nông Văn T được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bé Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Bé Thị Đ đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0001757 ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bé Thị Đ, anh Nông Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- UBND xã Q, H.Trảng Định; T.Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Hoàng Văn Bình**